

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SẠCH VÀ BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Vũ Thị Minh*

Phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững là một trong những mục tiêu phấn đấu của ngành nông nghiệp Việt Nam. Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP là các phương thức phát triển nông nghiệp sạch, đang được khuyến khích trên thế giới nhằm đảm bảo cung cấp nông sản thực phẩm có chất lượng cao, an toàn cho người tiêu dùng và không gây tổn hại đến môi trường. Ở Việt Nam, diện tích sản xuất nông nghiệp sạch theo GAP và nông nghiệp hữu cơ đến nay mới đạt khoảng 10 nghìn ha, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng diện tích nông nghiệp. Để thúc đẩy sự chuyển đổi sang nền nông nghiệp sạch và bền vững, cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như hoàn thiện cơ chế chính sách, hoàn thiện các quy định về kỹ thuật, tăng cường theo dõi giám sát thực hiện, tuyên truyền tập huấn chuyển giao kiến thức cho nông dân, xây dựng các mô hình trình diễn về chuỗi cung ứng nông sản an toàn.

Từ khóa: Phát triển bền vững, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt, GAP, VietGAP.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, vấn đề an toàn thực phẩm ngày càng nhận được sự quan tâm nhiều hơn của tất cả cộng đồng trong và ngoài nước. Phát triển nông nghiệp theo hướng sạch, đảm bảo cung cấp các sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời với bảo vệ môi trường đang là mục tiêu phấn đấu của ngành nông nghiệp nói chung và của người nông dân nói riêng. Vậy, hiểu như thế nào là một nền nông nghiệp sạch? Tình hình phát triển nông nghiệp sạch trên thế giới ra sao? Những thách thức mà Việt Nam gặp phải trong quá trình phát triển nền nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững là gì? Cần có những giải pháp nào để thực hiện mục tiêu đó? Dựa vào kết quả của một số nghiên cứu tình huống, kết hợp với tham khảo ý kiến chuyên gia và nghiên cứu tại bàn, bài viết này góp một phần nhỏ vào việc trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Cơ sở lý thuyết về phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững

2.1. Nông nghiệp sạch và bền vững là nông nghiệp hữu cơ

Có thể nói nền nông nghiệp sạch và bền vững thực sự chính là nền nông nghiệp hữu cơ. Có nhiều

cách giải thích và định nghĩa khác nhau về nông nghiệp hữu cơ, song nhìn chung đều thống nhất cho rằng nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống dựa vào quản lý hệ sinh thái chứ không dựa vào các đầu vào từ bên ngoài. Theo FAO/WHO (1999), nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống sản xuất khuyến khích và tăng cường sức khỏe của hệ sinh thái nông nghiệp, bao gồm sự đa dạng sinh học, sự tuần hoàn sinh học và hoạt động sinh học của đất. Nó chú trọng các biện pháp quản lý sử dụng các đầu vào trong vùng và áp dụng các phương pháp nông học, sinh học và cơ giới chứ không sử dụng các vật tư tổng hợp. “Nông nghiệp hữu cơ không sử dụng các hóa chất tổng hợp và cây trồng biến đổi gen” (FAO, 2007 tr.23).

Liên đoàn Quốc tế về trào lưu Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM) đã định nghĩa “Nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống sản xuất duy trì sức khỏe của đất, các hệ sinh thái và con người. Nó dựa vào các quá trình sinh thái, sự đa dạng sinh học và các sự tuần hoàn phù hợp với các điều kiện địa phương hơn là sử dụng các đầu vào gây hại. Nông nghiệp hữu cơ kết hợp giữa truyền thống, sự đổi mới và khoa học để làm lợi cho môi trường chung và kích lệ các mối quan hệ công bằng và chất lượng cuộc sống tốt cho tất cả những ai liên quan”.

Nông nghiệp hữu cơ thực hành bốn nguyên lý: Sức khỏe, Sinh thái, Công bằng và Quan tâm. *Nguyên lý sức khỏe* nhấn mạnh vai trò của nông nghiệp hữu cơ, dù trong sản xuất, phân phối hay tiêu dùng, là duy trì và tăng cường sức khỏe của các hệ sinh thái và các cơ thể sống từ những sinh vật nhỏ nhất trong đất tới con người. Đặc biệt, nông nghiệp hữu cơ hướng vào sản xuất thực phẩm có dinh dưỡng và chất lượng cao cho con người, do vậy nó không sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc thú y, chất phụ gia thực phẩm có khả năng gây hại cho sức khỏe. *Nguyên lý sinh thái* hướng đến sự cân bằng sinh thái thông qua việc thiết kế các hệ thống canh tác, tạo lập môi trường sống và duy trì sự đa dạng gen và nông nghiệp. Những người sản xuất, chế biến, thương mại hoặc tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ sẽ bảo vệ và làm lợi cho môi trường chung bao gồm cảnh quan, khí hậu, môi trường sống, đa dạng sinh học, không khí và nguồn nước. *Nguyên lý công bằng* nhấn mạnh rằng những ai liên quan đến nông nghiệp hữu cơ sẽ thực hiện các mối quan hệ con người theo cách đảm bảo sự công bằng tại tất cả các cấp độ và tới tất cả các bên tham gia, từ người nông dân, công nhân, người chế biến, người phân phối, người buôn bán đến người tiêu dùng. Nông nghiệp hữu cơ mang đến cho mỗi người tham gia một cuộc sống chất lượng tốt, đóng góp vào an ninh lương thực và giảm nghèo. Trong nông nghiệp hữu cơ, các tài nguyên thiên nhiên và môi trường sử dụng vào sản xuất và tiêu dùng được quản lý theo cách công bằng về mặt xã hội và sinh thái cho các thế hệ tương lai. *Nguyên lý quan tâm* nhấn mạnh nông nghiệp hữu cơ được quản lý theo một cách thức chủ động và có trách nhiệm nhằm bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc của các thế hệ hiện tại và tương lai và bảo vệ môi trường. Những người thực hành nông nghiệp hữu cơ có thể nâng cao hiệu quả và tăng năng suất nhưng không gây rủi ro đến sức khỏe. Các công nghệ mới, các phương pháp mới được đánh giá và xem xét cẩn trọng để đảm bảo không gây tổn hại đến hệ sinh thái và môi trường.

IFOAM coi bất kỳ hệ thống nông nghiệp nào dựa vào bốn nguyên lý trên và sử dụng các phương pháp hữu cơ là “Nông nghiệp hữu cơ”, coi bất kỳ người nông dân nào thực hiện một hệ thống như vậy là “Nhà nông hữu cơ” và khích lệ sự chuyển đổi sang phát triển nông nghiệp hữu cơ trên toàn thế giới.

2.2. Thách thức trong phát triển nông nghiệp hữu cơ hiện nay

Có thể nói một trong các thách thức lớn nhất trong chuyển đổi sang nền nông nghiệp hữu cơ - nền nông nghiệp sạch và bền vững thực sự - là năng suất

và sản lượng nông nghiệp sẽ giảm, và điều này có thể ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh lương thực, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Theo FAO, năng suất nông nghiệp hữu cơ phụ thuộc vào hệ thống quản lý nông nghiệp trước đó, cụ thể là:

Trong các nước công nghiệp, nông nghiệp hữu cơ sẽ làm giảm năng suất và sản lượng. Mức độ giảm năng suất và sản lượng nhiều hay ít tùy thuộc vào mức độ thâm canh sử dụng các đầu vào bên ngoài (đặc biệt là hóa chất nông nghiệp) trước khi chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ.

Trong những vùng nông nghiệp thực hiện cuộc Cách mạng Xanh (nông nghiệp được tưới, tiêu), việc chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ nhìn chung cho năng suất và sản lượng tương tự.

Trong những vùng sản xuất nông nghiệp truyền thống, dựa vào nước trời và sử dụng ít vật tư nông nghiệp bên ngoài, việc chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ có tiềm năng làm tăng năng suất và sản lượng.

Kết quả nghiên cứu của Catherine & Ivette (2007) chỉ ra rằng nông nghiệp hữu cơ không thể tạo ra đủ thực phẩm để nuôi sống nhân loại. Chính vì vậy, việc nên chuyển đổi nông nghiệp hiện tại sang nông nghiệp hữu cơ ở quy mô như thế nào vẫn là những câu hỏi đang đặt ra cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách nông nghiệp.

Thách thức thứ hai trong chuyển đổi sang nền nông nghiệp hữu cơ liên quan đến các điều kiện sản xuất, đặc biệt là đất đai. Có nhiều quan điểm cho rằng, mặc dù các vật tư nông nghiệp từ bên ngoài như phân hóa học, hóa chất phòng trừ sâu bệnh... có thể được thay thế bằng nguồn phân bón hữu cơ, bằng sử dụng thiên địch và các biện pháp quản lý hữu cơ khác, nhưng *sự hạn chế về sở hữu đất đai* là một rào cản chính đang hạn chế sự đầu tư để chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ. Bên cạnh đó, để phục hồi các điều kiện sản xuất (đất đai, nguồn nước, giống cây trồng vật nuôi...) đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp hữu cơ phải mất 2-3 năm (FAO, 2007 tr.23), thậm chí phải mất hàng chục năm, theo như nhận định của các chuyên gia nông nghiệp thuộc dự án QSEAP - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thách thức thứ ba là thị trường của nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế. Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có chất lượng cao và đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng lượng cung cấp rất hạn chế so với nhu cầu và chi phí sản xuất và vận chuyển khá cao, nên giá bán cũng cao, có thể cao gấp đến ba lần so với sản phẩm thông thường (Anh Tùng, 2011, tr.11). Do vậy các

sản phẩm nông nghiệp hữu cơ hiện chủ yếu để phục vụ cho thị trường các nước phát triển như Mỹ, Đức, Đan Mạch...

Thách thức thứ tư là kiến thức sản xuất nông nghiệp hữu cơ và khả năng ứng dụng vào sản xuất của người dân còn hạn chế. Nông nghiệp hữu cơ sử dụng các biện pháp sinh học, khai thác sự tuần hoàn của hệ sinh thái...đòi hỏi người sản xuất phải có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực này thì mới thực hiện được nông nghiệp hữu cơ.

Một thách thức nữa đối với hầu hết các nước đang phát triển trong thực hiện nông nghiệp hữu cơ là chưa có tổ chức cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Chi phí cho việc cấp chứng nhận tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ (chi phí thuê các tổ chức cấp chứng nhận quốc tế khá cao, vượt quá khả năng của người sản xuất), do vậy, rất khó khăn cho phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Như vậy, có thể nói việc chuyển đổi sang nền nông nghiệp hữu cơ - nền nông nghiệp sạch thực sự là hết sức cần thiết trong dài hạn để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, với các thách thức trên, rất khó có thể thực hiện được việc chuyển đổi này trên diện rộng và với tốc độ nhanh. Vì vậy, “Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm đã được nhiều quốc gia trên thế giới lựa chọn thực hiện trên diện rộng, đồng thời với việc chuyển đổi sang nền nông nghiệp hữu cơ ở những nơi có điều kiện.

2.3. Phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững theo GAP

Trong bối cảnh nhu cầu nông sản thực phẩm trên thế giới ngày càng cao về cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là về độ an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, các nước nhập khẩu nông sản thực phẩm (đi đầu là Mỹ, Cộng đồng Châu Âu và Nhật Bản) đã đưa ra các quy định về an toàn thực phẩm (mức dư lượng tối đa cho phép đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật, truy xuất nguồn gốc sản phẩm), các quy định về kiểm dịch thực vật, kiểm dịch thú y để định hướng cho các nhà sản xuất và xuất khẩu nông sản. Một số chính phủ và một số các nhà bán lẻ lớn cũng đưa ra các yêu cầu về Phân tích Nguy cơ và Kiểm soát tới hạn (HACCP), cùng với việc áp dụng Thực hiện Vệ sinh tốt (GHP) và Thực hành Nông nghiệp tốt (GAP). Các tổ chức cấp chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến đạt các tiêu chuẩn GAP cũng được thành lập để giám sát và đảm bảo quá trình sản xuất nông sản phẩm theo các tiêu chuẩn GAP được chứng nhận. Tùy thuộc vào mật hàng sản xuất và yêu cầu của thị trường xuất khẩu muốn hướng tới mà các nhà sản xuất nông sản lựa chọn sản xuất theo

tiêu chuẩn GAP nào và cần được các tổ chức nào cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP đó.

Theo FAO (2007, tr.35), GAP là “các quá trình thực hành canh tác, chế biến tại trang trại hướng tới sự bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội và kết quả là an toàn và chất lượng của thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp không phải là thực phẩm”. GAP chấp nhận sản xuất có sử dụng các hóa chất nhưng trong giới hạn kiểm soát được và không gây nguy hại đến người sản xuất, người tiêu dùng và tới môi trường. Có rất nhiều lợi ích trong các nguyên lý, tiêu chuẩn và quy định của GAP như tăng cường chất lượng và an toàn thực phẩm, tạo thuận lợi cho việc thâm nhập thị trường và giảm bớt các rủi ro liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, dư lượng tối đa cho phép và các nguy cơ gây ô nhiễm khác. Tuy nhiên, khó khăn và thách thức lớn trong áp dụng GAP là tăng chi phí sản xuất, đặc biệt là việc ghi chép lưu trữ sổ sách, kiểm tra dư lượng và chứng nhận, thiếu thông tin và dịch vụ hỗ trợ.

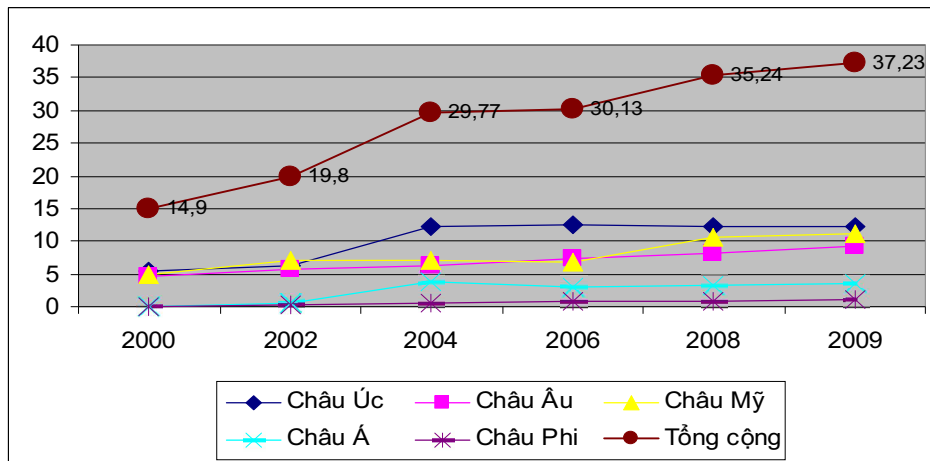
Hiện trên thế giới có một số bộ tiêu chuẩn GAP chính là Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), Thực hành nông nghiệp tốt của Đông Nam Á (AseanGAP), Thực hành nông nghiệp tốt của Nhật Bản (JGAP), Tiêu chuẩn chứng nhận cà phê toàn cầu (UTZ Certified, 4C), Tiêu chuẩn chứng nhận nông nghiệp bền vững (Rain Forest)... Một số quốc gia cũng đã xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn GAP của mình, chẳng hạn như ChinaGAP, ThaiGAP, VietGAP.

3. Thực trạng sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững trên thế giới và ở Việt Nam

3.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững trên thế giới

Theo thống kê của Viện Nghiên cứu Nông nghiệp hữu cơ (FiBL) và IFOAM, sản xuất nông nghiệp sạch - nông nghiệp hữu cơ đã có bước phát triển ấn tượng trong hơn thập kỷ qua. Diện tích nông nghiệp hữu cơ trên thế giới tăng khá nhanh, từ 14,9 triệu ha năm 2000 lên 37,23 triệu ha năm 2009, tăng bình 10,71%/năm trong giai đoạn 2000- 2009 (Hình 1). Trong đó châu Á có tốc độ tăng trưởng diện tích cao nhất (57,51%/năm), kế đến là châu Phi (39,95%/năm). Tuy nhiên, diện tích nông nghiệp hữu cơ của thế giới tăng không đáng kể trong hai năm 2010 và 2011, với mức tăng chỉ đạt 0,03%/năm, trong khi châu Âu tăng 7,19%/năm thì châu Mỹ lại giảm 7,22%/năm. Đến năm 2011, châu Úc có diện tích nông nghiệp hữu cơ cao nhất thế giới với 12,19 triệu ha, chiếm 32% trong tổng số 37,25 triệu ha, tiếp đến là châu Âu, châu Mỹ, châu Á và châu Phi (Hình 2). Mười quốc gia có diện tích

Hình 1: Diện tích nông nghiệp hữu cơ trên thế giới giai đoạn 2000-2009



Nguồn: FiBL và IFOAM; <http://www.organic-world.net>

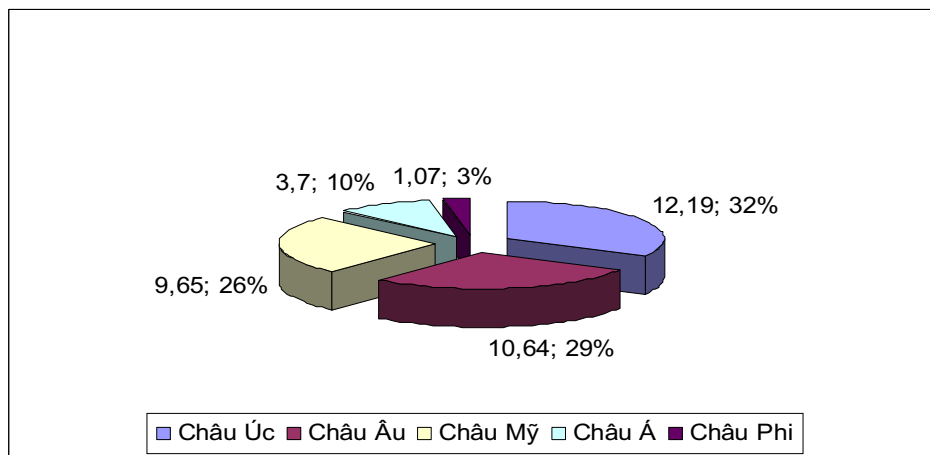
nông nghiệp hữu cơ cao nhất là Úc (12 triệu ha), Acentina (3,8 triệu ha), Mỹ (1,9 triệu ha), Trung Quốc (1,9 triệu ha), Tây Ban Nha (1,6 triệu ha), Ấn Độ (1,1 triệu ha), Ý (1,09 triệu ha), Đức (1,02 triệu ha) và Uruguay (0,93 triệu ha) và Canada (0,84 triệu ha). Mặc dù vậy, cho đến nay, diện tích đất nông nghiệp hữu cơ hiện cũng mới chiếm 0,9% tổng diện tích đất nông nghiệp trong 162 nước khảo sát của FiBL, do các thách thức đã phân tích ở trên.

Số nhà sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên toàn thế giới năm 2011 là 1,8 triệu người, trong đó châu Á chiếm 34%, châu Phi 30%, châu Âu 16%. Ba nước có số người sản xuất nông nghiệp hữu cơ đông nhất là Ấn Độ với 547.591 người, Uganda 188.625 người và Mexico 169.570 người. Như vậy, có khoảng 1/3 diện tích đất nông nghiệp hữu cơ (khoảng 12 triệu ha) và trên 80% nhà sản xuất nông nghiệp hữu cơ

(khoảng 1,5 triệu người) là ở các nước đang phát triển và các nước mới nổi. Đây là một trong những thành tựu quan trọng trong việc phổ biến và nhân rộng phương thức sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững trên thế giới.

Cùng với phát triển nông nghiệp hữu cơ hoặc chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ, trong những năm qua các quốc gia đều đã chú trọng thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hướng đảm bảo các tiêu chuẩn GAP. Ở các nước phát triển ở châu Âu, châu Úc và châu Mỹ, về cơ bản toàn bộ các diện tích sản xuất nông nghiệp (trừ diện tích nông nghiệp hữu cơ) đều được áp dụng và được cấp chứng nhận Global Gap, hoặc Fesh. Trong khi đó, tại các nước đang phát triển và mới nổi, tỷ trọng diện tích thực hành GAP và được cấp chứng nhận còn rất hạn chế.

Hình 2: Cơ cấu diện tích nông nghiệp hữu cơ năm 2011 theo Châu lục



Nguồn: <http://www.organic-world.net>

3.2. Thực trạng sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững ở Việt Nam

Cho đến thập kỷ 60 thế kỷ XX, nền nông nghiệp Việt Nam được xem là nông nghiệp sạch. Nguồn phân hữu cơ chủ yếu được sử dụng bao gồm phân chuồng, tro rơm rạ, bèo hoa dâu và các nguồn phân xanh cũng như các chất phế thải từ nguồn hoa màu. Tuy nhiên, do sức ép về dân số, nhu cầu an toàn lương thực trong nước và nông sản cho xuất khẩu, trong khi tài nguyên đất có hạn, nền nông nghiệp sạch Việt Nam đã chuyển sang nền nông nghiệp sử dụng phân bón vô cơ và hóa chất phòng trừ dịch bệnh từ cuối những năm thập kỷ 60. Việc sử dụng quá nhiều phân bón vô cơ đã có tác động xấu đến môi trường, đặc biệt gây ô nhiễm nguồn nước và đất, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Theo thống kê, trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2010, số vụ ngộ độc thực phẩm và số người bị ngộ độc có xu hướng tăng lên, từ 4233 người năm 2000 tăng lên 5664 người năm 2010, cá biệt năm 2008 tăng lên đến 7828 người (hình 3). Nguyên nhân chính bị ngộ độc là do vi sinh vật (chiếm 34% số vụ ngộ độc), Toxin (chiếm 25%), hóa chất (10%) và không rõ nguyên nhân (31%), và sản xuất nông nghiệp được xem là nguồn chính của các nguyên nhân này (hình 4).

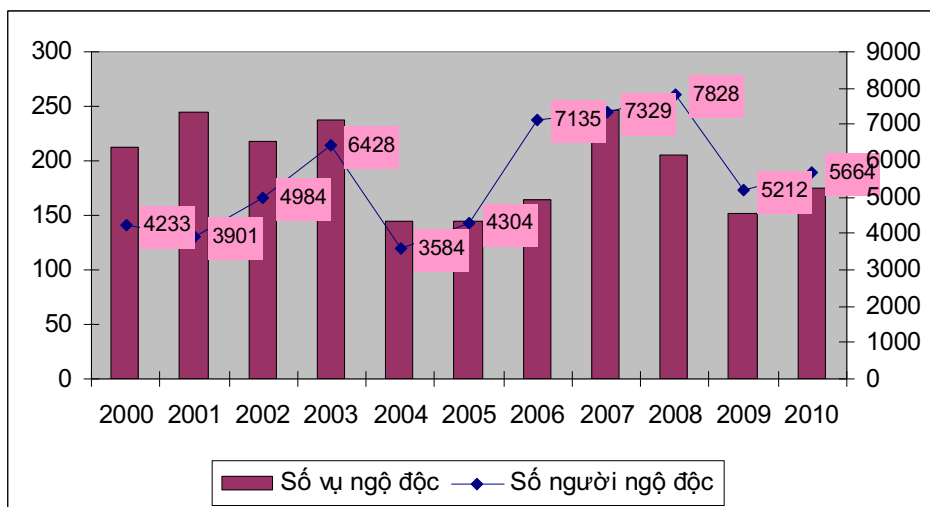
Để góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm từ trong khâu sản xuất và sơ chế nông lâm sản, thủy sản, nhằm bảo vệ sức khỏe của người dân, Chính phủ, trực tiếp là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã xây dựng và triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án với mục tiêu khuyến khích và hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch và

bền vững, đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) cho người tiêu dùng, với sự hỗ trợ của các nguồn vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại và vốn ngân sách (Bảng 1).

Với sự trợ giúp kỹ thuật của các chuyên gia về an toàn thực phẩm quốc tế và trong nước, các Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt của Việt Nam (Viet-GAP) đã được xây dựng để hướng dẫn các nhà sản xuất/nông dân sản xuất các mặt hàng nông sản đạt được kết quả an toàn và chất lượng cao. Đến tháng 6/2013, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành được bốn quy trình sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP cho bốn cây trồng quan trọng là rau, quả tươi, chè búp tươi, lúa gạo và cà phê (Bảng 2).

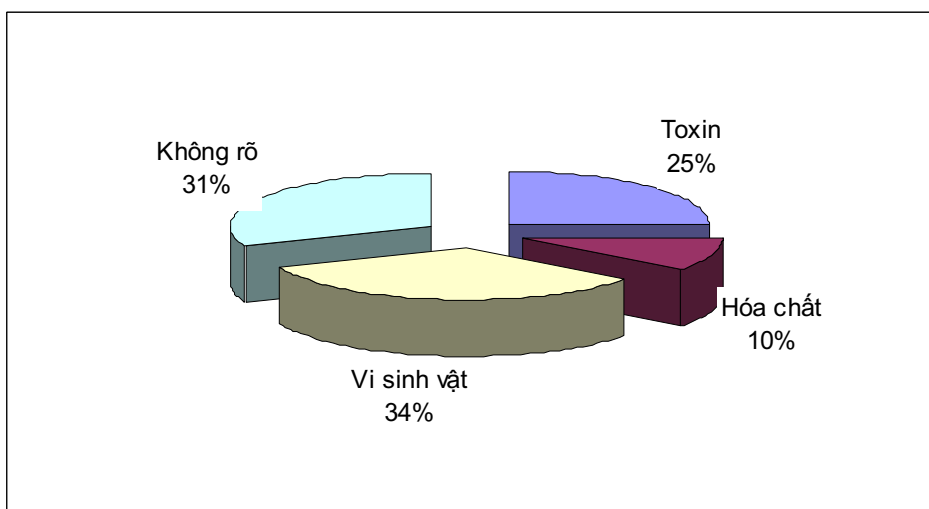
VietGAP được biên soạn dựa theo ASEAN GAP đề cập đến bốn hợp phần gồm: 1) An toàn thực phẩm, 2) Quản lý môi trường, 3) Bảo vệ sức khỏe và phúc lợi người lao động, và 4) Chất lượng sản phẩm. Trong những năm qua, cùng với các chương trình dự án nêu trên VietGAP đã được tuyên truyền và tập huấn tích cực và rộng khắp cả nước. Kết quả là, đến cuối năm 2010, cả nước đã có 343 mô hình/trang trại áp dụng VietGAP và các GAP khác, với tổng diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch và đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 9414 ha (Bảng 3). Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng việc áp dụng VietGAP và các GAP khác trong thực tế đã gặp một số khó khăn nhất định. Đối với các cấp địa phương, khó khăn liên quan đến việc quy hoạch, lựa chọn các vùng đủ điều kiện (về đất đai, nguồn nước, độ cách ly với các nguồn gây ô nhiễm...) để sản xuất nông nghiệp an toàn (SAZ) và xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất

Hình 3: Tình hình ngộ độc thực phẩm giai đoạn 2000-2010



Nguồn: Samira Sarter, Hồ Phú Hà, Tô Kim Anh (2012, tr.3)

Hình 4: Nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm giai đoạn 2000-2010



Nguồn: Samira Sarter, Hồ Phú Hà, Tô Kim Anh (2012, tr.4)

Bảng 1: Các dự án, chương trình chính về vệ sinh, ATTP thuộc Bộ NN&PTNT

Các dự án trong nước	Các dự án nước ngoài
Chương trình Mục tiêu Quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2006-2010	- Dự án Hợp phần Tăng cường năng lực sau thu hoạch và tiếp thị (POSMA)
- Dự án Bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng.	- Dự án Hỗ trợ Chương trình ngành Thủy sản – Hợp phần Tăng cường năng lực quản lý hành chính nghề cá (STOFA)
- Dự án Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm.	- Dự án Xây dựng và Kiểm soát chất lượng nông sản thực phẩm (FAPQDCP)
	- Dự án Quỹ Ủy thác Nhật Bản
	- Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển khí sinh học (QSEAP), (vốn vay ADB).

nông nghiệp theo các tiêu chuẩn VietGAP.

Về phía người dân, kết quả khảo sát tình huống năm 2012 (sử dụng phương pháp thảo luận nhóm) tại các vùng chè Đoan Hùng, Yên Lập (tỉnh Phú Thọ), vùng Rau (tỉnh Vĩnh Phúc) thuộc dự án QSEAP cho thấy có 4 lý do chính người dân không áp dụng VietGAP là:

- 1) Quy định VietGAP dài và phức tạp, rất khó để nhớ và thực hiện;
- 2) Chi phí dịch vụ cao và phải đầu tư mỗi năm;

3) Ghi chép và lưu trữ hồ sơ không phải là thói quen của nông dân Việt Nam;

4) Người sản xuất/nông dân không hài lòng với giá cả của sản phẩm có ứng dụng VietGAP và sản phẩm không ứng dụng VietGAP trên thị trường.

Để người sản xuất/nông dân có thể tiếp cận dễ dàng và thực hành đơn giản hơn trong sản xuất nông nghiệp, nhưng vẫn đảm bảo vệ sinh an toàn cho người tiêu dùng, và đáp ứng cam kết khi gia nhập WTO về việc thực hành SPS (*Sanitary & Phytosanitary - Kiểm dịch động thực vật*), Thủ tướng Chính

Bảng 2. Các Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) đã được ban hành

STT	Văn bản pháp lý	Ngày ban hành	VietGAP
01	Quyết định 379/QĐ-BNN-KHCN	28/01/2008	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam
02	Quyết định 1121/QĐ-BNN-KHCN	14/04/2008	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chè búp tươi an toàn tại Việt Nam
03	Quyết định 2998/QĐ-BNN-TT	09/11/2010	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho lúa
04	Quyết định 2999/QĐ-BNN-TT	09/11/2010	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho cà phê

Nguồn: Nguyễn Quốc Vọng, (2013, tr.3).

phủ Việt Nam đã ra Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 01 năm 2012, quy định việc áp dụng VietGAP ở một trong hai cấp độ:

- Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: trong Quy chuẩn kỹ thuật chỉ có các tiêu chí chủ yếu của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc được cụ thể hóa và yêu cầu bắt buộc thực hiện. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 22/1/2013 kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012, và Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ký ngày 22/01/2013 về việc ban hành Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT).

- Áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho người lao động trong sản xuất, sơ chế sản phẩm.

4. Giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững ở Việt Nam

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng việc đẩy mạnh

phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững (cụ thể là áp dụng các quy trình GAP trong sản xuất nông nghiệp) là xu thế phát triển tất yếu, là đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sống của toàn thể cộng đồng. Chỉ có như vậy, nền nông nghiệp Việt Nam mới có thể tồn tại, phát triển và từng bước thâm nhập ngày càng sâu vào chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu. Để đẩy nhanh tiến trình thực hiện áp dụng các quy trình GAP trong nông nghiệp, đảm bảo phát triển nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững, trước mắt, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần sớm hoàn thiện, nâng cấp Viet-GAP đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế để được quốc tế công nhận

Theo đánh giá của GS.TS Nguyễn Quốc Vọng, chuyên gia quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm thì VietGAP phiên bản 1 (ban hành kèm theo Quyết định 379/QĐ-BNN-KHCN ký ngày 28/1/2008 hiện đang sử dụng) thực sự chưa được quốc tế công nhận, do vậy các sản phẩm được cấp chứng nhận

Bảng 3: Kết quả áp dụng VietGAP và các GAP khác ở Việt Nam đến cuối năm 2010

Cây trồng	Mô hình/trang trại được chứng nhận GAPs		Mô hình/ trang trại đang áp dụng VietGAP		Mô hình/ trang trại theo hướng VietGAP		Tổng số	
	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	DT (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
Rau	74	263	24	604	43	243	141	1110
Quả	97	2199	57	1399	12	4244	166	7842
Trà/Chè	24	74	-	-	1	3	25	77
Lúa	4	105	5	231	2	44	11	380
Tổng số	199	2643	86	2236	58	4536	343	9414

Nguồn: Cục Trồng trọt, Hội nghị QSEAP ngày 29/7/2011 tại Hà Nội.

VietGAP khó có thể tham gia vào thị trường nông sản quốc tế, mặt khác Việt Nam cũng không thể sử dụng các tiêu chuẩn VietGAP như là một hàng rào kỹ thuật đối với hàng nông sản nhập khẩu vào Việt Nam. Vì vậy, một trong những việc cần thực hiện sớm là nâng cấp VietGAP hiện tại thành VietGAP phiên bản 2 đáp ứng tiêu chuẩn và được quốc tế công nhận. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm ban hành VietGAP nâng cấp để hướng dẫn và tạo thuận lợi cho các cơ sở sản xuất đã được cấp chứng nhận VietGAP thực hiện.

Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định và tiêu chuẩn GAP theo hai cấp độ đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp ở tất cả các địa phương

Theo Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ký ngày 22/01/2013 về việc ban hành Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT), từ ngày 22/7/2013 VietGAP sẽ được áp dụng với hai cấp độ trên toàn quốc. Do vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tăng cường kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các địa phương thực hiện đúng tinh thần của Thông tư này, cụ thể là:

- Mức độ tối thiểu bắt buộc áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCKT) về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất và điều kiện bảo đảm ATTP đối với sản phẩm trong quá trình sản xuất. Trong thực hiện QCKT, người sản xuất có thể tự đánh giá phù hợp và công bố sản phẩm an toàn nhằm hướng tới thị trường trong nước theo Luật An toàn thực phẩm.

- Mức độ cao khuyến khích áp dụng đầy đủ các chỉ tiêu của GAP với các định hướng như sau:

- + Áp dụng GlobalGAP áp dụng đối với các sản phẩm đặc thù, có giá trị kinh tế cao và có hợp đồng bao tiêu chắc chắn, trong đó yêu cầu phải đạt chứng nhận GlobalGAP;

- + Các loại GAP khác (GlobalGAP, 4C, UTZ Certified, Rain Forest...) chủ yếu áp dụng cho cây công nghiệp xuất khẩu như chè, cà phê, ca cao, hồ tiêu thông qua các dự án đối tác công tư (PPP), doanh nghiệp, tập đoàn quốc tế lớn và nông dân phối hợp tổ chức sản xuất, chứng nhận GAP và tiêu thụ sản phẩm;

- + Áp dụng VietGAP đối với các sản phẩm rau, quả, chè, lúa gạo tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu; đồng thời với việc nâng cấp VietGAP để được thừa nhận trên thị trường quốc tế.

Với định hướng này, trong thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương cần hướng dẫn các cơ sở sản xuất đã có hợp đồng

tiêu thụ yêu cầu sản phẩm chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác thì tiếp tục tổ chức sản xuất, chứng nhận sản phẩm phù hợp GAP theo yêu cầu của hợp đồng tiêu thụ đã ký kết. Đối với những cơ sở đã và đang thực hiện VietGAP hoặc GAP khác nhưng chưa có thị trường đầy đủ hoặc tạm thời có khó khăn về thị trường thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các địa phương cần hỗ trợ nông dân tiếp tục duy trì sản xuất theo GAP, không để nông dân quay về cách làm cũ, đồng thời tích cực chủ động tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm. Đối với những cơ sở chưa áp dụng GAP, thì trước hết cần tổ chức sản xuất phù hợp với QCKT nhằm đảm bảo sản phẩm an toàn và truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của thị trường trong nước và Luật ATTP. Trong áp dụng GAP, cần cân nhắc lựa chọn loại GAP, thời điểm và quy mô chứng nhận phải căn cứ theo yêu cầu của thị trường, trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ.

Thứ ba, cần tăng cường tuyên truyền, tập huấn để cán bộ quản lý, người sản xuất và người tiêu dùng hiểu biết về Luật an toàn thực phẩm, về GAP và QCKT về ATTP

Chỉ trên cơ sở hiểu biết đầy đủ yêu cầu của các GAP, QCKT và căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình, người sản xuất mới có thể lựa chọn được cách tiếp cận phù hợp với thị trường trong nước và thế giới. Đồng thời, để người sản xuất duy trì sản xuất theo hướng sạch, thực hiện GAP thì sự chia sẻ, ủng hộ của người tiêu dùng là có tính chất quyết định.

Thứ tư, thực hiện các cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ việc áp dụng GAP

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ ngành liên quan cần sớm ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt GAP trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Có như vậy, Quyết định trên mới có thể đi vào cuộc sống và người dân mới tiếp cận được các hỗ trợ của Chính phủ để chuyển đổi sang phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch và bền vững.

Thứ năm, cần xây dựng một số mô hình chuỗi cung ứng nông sản an toàn trên cơ sở huy động sự hỗ trợ kỹ thuật của các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển

Sản xuất nông nghiệp gắn kết với thị trường, đáp ứng yêu cầu thường xuyên thay đổi của thị trường là cơ sở để đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững về mặt kinh tế và xã hội. Vì vậy, với vai trò chủ quản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần

phối hợp với các cấp, các bộ ngành, các cơ sở nghiên cứu và các trường đại học liên quan và với các doanh nghiệp, đồng thời huy động sự tham gia của nông dân vào phát triển một số mô hình chuỗi cung ứng nông sản an toàn để qua đó học hỏi, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng.

Thứ sáu, khuyến khích các doanh nghiệp, các hộ dân ở những vùng có điều kiện phù hợp phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Mặc dù gặp một số khó khăn, thách thức trong phát triển, nông nghiệp hữu cơ vẫn là nền nông

nghiệp sạch và bền vững thực sự. Với sự phát triển của tiến bộ khoa học công nghệ đặc biệt trong lĩnh vực sinh học phân tử và vi sinh, trong tương lai, khả năng nông nghiệp hữu cơ đủ sức đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân loại là hoàn toàn có thể. Hơn nữa, nông nghiệp hữu cơ hiện đang cung cấp một số nông phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, chất lượng tốt, an toàn cho các thị trường cao cấp và mang lại lợi nhuận cho người sản xuất. Vì vậy, bên cạnh việc triển khai áp dụng GAP và QCKT, cần tạo điều kiện và khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ ở những nơi có điều kiện. □

Tài liệu tham khảo:

- Anh Tùng (2011), “Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới”, Thế giới dữ liệu STINFO, truy cập tháng 10 năm 2011, từ <<http://www.cesti.gov.vn>>.
- Catherine Badgley & Ivette Perfecto (2007) “Can organic agriculture feed the world?” *Renewable Agriculture and Food Systems Journal*, số 22, tập 02, tr. 80-86.
- FAO (2007), “Các quy định, tiêu chuẩn và chứng nhận đối với nông sản xuất khẩu” - Hướng dẫn thực hành cho Người sản xuất và xuất khẩu ở Châu Á – RAP Publication 2007/13.
- FAO/WHO (1999), Codex Alimentarius Commission từ <<http://www.fao.org/organicag/oa-faq/oa-faq1/en/>>.a
- IFOAM “Definition of organic agriculture”, từ <<http://www.ifoam.org/sites/default/files/ifoam/>>.
- Nguyễn Quốc Vọng (2013), “An toàn vệ sinh thực phẩm: Sản xuất Rau, Quả, Chè theo VietGAP và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia”, Báo cáo tư vấn dự án QSEAP, tháng 7/2013.
- Samira Sarter, Hồ Phú Hà, Tô Kim Anh (2012), “Current Situation of Food Safety in Vietnam”, The presentation at The 1st FOODSEG Symposium, Berlin, Germany 21-22 June 2012.

Sustainable and clean agriculture development in the World and in Vietnam: The current situation and recommendations

Abstract:

Sustainable and clean agricultural development is one of the targets of Vietnam agricultural sector. Organic agriculture and agriculture with GAP are the ways to develop clean agriculture which have been encouraged all over the world to provide high quality and safe agricultural products to consumers while bringing no damage to environment. In Vietnam, the area of GAP and organic agriculture is only about 10 thousand hectares, making up insignificant proportion of the total agriculture area. To speed up the transition towards sustainable and clean agriculture, it is necessary to implement simultaneously several solutions, including improving mechanism and policies, improving technical regulations, enhancing implementation monitoring, communicating with and transferring technology to farmers, and developing demonstration models of supply chain for safe agricultural products.

Thông tin tác giả:

***Vũ Thị Minh**, Phó giáo sư, tiến sĩ

Nơi công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế và Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, Kinh tế tài nguyên.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán.

Email: minhvt@neu.edu.vn; vtminh.2000@gmail.com